

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 01 - 7 - 2022  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tăng Giàu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Hoàng

Ông Nguyễn Văn Tịnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy N, sinh năm 1997; địa chỉ ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tân T, sinh năm 1988; địa chỉ Ấp X, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy N trình bày:* Chị N và anh T sống chung vào khoảng năm 2016, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau đó vợ chồng anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Lý do xin ly hôn: Thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, nhưng sau này hai vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng anh chị không còn sống chung. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được và chị cũng không còn tình cảm với anh T nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tân T.

Về quan hệ con chung: Chị N và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Thiên K, sinh ngày 01/12/2017, từ nhỏ đến nay cháu K do chị chăm sóc nuôi dưỡng nên chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2022 chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, nay chị xác định chị đủ khả năng để chăm sóc nuôi dưỡng con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ: Chị N và anh T tự thỏa thuận về tài sản chung, anh chị cũng không có nợ ai. Khi ly hôn chị N không yêu cầu Tòa án xem xét.

*Bị đơn anh Nguyễn Tân T:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như triệu tập anh T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:*

*Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị N đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh T chưa chấp hành đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy N đối với anh Nguyễn Tân T. Về con chung: Giao 01 người con tên Nguyễn Thiên K, sinh ngày 01/12/2017 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ: Chị N xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, anh chị cũng không có nợ ai, không yêu cầu nên không xem xét; về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Thùy N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tân T và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, bị đơn anh Nguyễn Tân T cư trú tại Ấp X, thị trấn G, huyện Đ nên đây là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn, nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt các đương sự: Chị Nguyễn Thị Thùy N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận; anh Nguyễn Tân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ các

điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và các điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[4]. Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Nguyễn Tân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào, huyện Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tân T. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được, hiện tại anh chị không còn sống chung khoảng một năm nay, nên hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng.

[6]. Căn cứ Biên bản về việc xác minh tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Nguyễn Tân T ngày 07/3/2022, đại diện Ban nhân dân Ấp X, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xác định anh Nguyễn Tân T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp X, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, quá trình chung sống giữa chị N và anh T hay cự cãi, do bất đồng quan điểm, gia đình hai bên có hòa giải nhưng không hàn gắn được.

[7]. Mục đích của hôn nhân là để tạo dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải yêu thương, quý trọng và chăm sóc lẫn nhau, nhưng trong thời gian chung sống chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng không hàn gắn được, hiện tại chị N và anh T không còn sống chung, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T.

[8]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy N xác định, chị N và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Thiên K, sinh ngày 01/12/2017, từ nhỏ đến nay cháu K đều do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu K, cần tiếp tục giao cháu K cho chị N tiếp tục trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[9]. Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị Thùy N xác định, chị N và anh T tự thỏa thuận về tài sản chung, anh chị cũng không nợ ai, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy N phải chịu 300.000 đồng, chị N đã nộp số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí toàn bộ số tiền nêu trên.

[11]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về các vấn đề có liên quan đến vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; các điểm a, b khoản 1 Điều 227; các điểm a, b khoản 1 Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy N đối với anh Nguyễn Tân T.

2. Về con chung: Giao 01 người con chung tên Nguyễn Thiên K, sinh ngày 01/12/2017 cho chị Nguyễn Thị Thùy N tiếp tục trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy N phải chịu 300.000 đồng. Chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002137 ngày 07 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ số tiền trên.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Nguyễn Tân T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- UBND thị trấn Gành Hào;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Tăng Giàu**

